|  |
| --- |
|  |
|  |

**PHÂN BÀO(p1)**

**Câu 1.** Chu kỳ tế bào bao gồm các pha theo trình tự

A. G1, G2, S, nguyên phân. B. G1, S, G2, nguyên phân .

C. S, G1, G2, nguyên phân. D. G2, G1, S, nguyên phân.

**Câu 2**. Sự kiện nào dư­ới đây **không** xảy ra trong các kì nguyên phân?

A. tái bản ADN. B. phân ly các nhiễm sắc tử chị em.

C. tạo thoi phân bào. D. tách đôi trung thể.

**Câu 3**. Trong chu kỳ tế bào, ADN và NST nhân đôi ở pha

A. G1. B. G2. C. S. D. nguyên phân

**Câu 4.** Ở người, loại tế bào chỉ tồn tại ở pha G1 mà không bao giờ phân chia là

A. tế bào cơ tim. B. hồng cầu. C. bạch cầu. D. tế bào thần kinh.

**Câu 5**. Trong quá trình nguyên phân, thoi vô sắc bắt đầu xuất hiện ở

A. kì trung gian. B. kì đầu. C. kì giữa. D. kì sau.

**Câu 6**. Trong quá trình nguyên phân, các NST co xoắn cực đại ở kì

A. đầu. B. giữa . C. sau. D. cuối.

**Câu 7**. Số NST trong tế bào ở kỳ giữa của quá trình nguyên phân là

A. n NST đơn. B. n NST kép. C. 2n NST đơn. D. 2n NST kép.

**Câu 8.** Số NST trong tế bào ở kỳ sau của quá trình nguyên phân là

A. 2n NST đơn. B. 2n NST kép. C. 4n NST đơn. D. 4n NST kép.

**Câu 9**. Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

A. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo. B. kéo dài màng tế bào.

C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào. D. cả A, B, C.

**Câu 10.** Trong nguyên phân, tế bào thực vật phân chia chất tế bào bằng cách

A. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo. B. kéo dài màng tế bào.

C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào. D. cả A, B, C.

**Câu 11**. Từ 1 tế bào ban đầu, qua k lần phân chia nguyên phân liên tiếp tạo ra được

A. 2k tế bào con . B. k/2 tế bào con.

C. 2k tế bào con. D. k – 2 tế bào con.

**Câu 12**. Sự phân chia vật chất di truyền trong quá trình nguyên phân thực sự xảy ra ở kì

A. đầu. B. giữa. C. sau. D. cuối.

Câu 13. Trong quá trình nguyên phân, sự phân chia nhân được thực hiện nhờ

A. màng nhân. B. nhân con. C. trung thể. D. thoi vô sắc.

Câu 14. Ở người ( 2n = 46), số NST trong 1 tế bào tại kì giữa của nguyên phân là

A. 23. B. 46. C. 69. D. 92.

Câu 15. Ở người ( 2n = 46 ), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

A. 23. B. 46. C. 69. D. 92.

**Câu 16.** Có 3 tế bào sinh dưỡng của một loài cùng nguyên phân liên tiếp 3 đợt, số tế bào con tạo thành là

A. 8. B. 12. C. 24. D. 48.

**Câu 17**. Nhiễm sắc thể có thể nhân đôi được dễ dàng là nhờ

A. sự tháo xoắn của nhiễm sắc thể.

B. sự tập trung về mặt phẳng xích đạo của nhiễm sắc thể.

C. sự phân chia tế bào chất.

D. sự tự nhân đôi và phân li đều của các nhiễm sắc thể về các tế bào con.

**Câu 18:** [Trong mô đang phân chia nguyên phân, xét hai nhóm tế bào trong đó hàm lượng ADN trong mỗi tế bào thuộc nhóm một chỉ bằng một nửa hàm lượng ADN trong mỗi tế bào thuộc nhóm hai. Tế bào thuộc nhóm một đang ở X, tế bào thuộc nhóm hai đang ở Y. X và Y lần lượt là:](http://hoc247.net/cau-hoi-trong-mo-dang-phan-chia-nguyen-phan-xet-hai-nhom-te-bao-trong-do-ham-luong-adn-trong-moi-te-bao-thu-7360.html)

A. Pha G2 và kì đầu. B. Pha G1 và kì đầu.

C. Kì đầu và kì giữa. D. Pha G2 và kì đầu.

**Câu 19: Quá trình nguyên phân diễn ra liên tiếp qua một số lần từ 1 hợp tử của người mang 46 nhiễm sắc thể đã tạo ra số tế bào mới với tổng số 368 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Số tế bào mới được tạo ra là**

**A. 4. B. 16. C. 8. D. 12.**

**Câu 20: Một tế bào xôma ở gà (2n = 78) trải qua quá trình nguyên phân. Cho các nhận xét sau**

**(1). Ở kì giữa có 78 nhiễm sắc thể kép.**

**(2). Ở kì sau có 78 tâm động.**

**(3). Ở kì cuối, lúc tế bào đang phân chia có 156 nhiễm sắc thể đơn.**

**(4). Ở kì đầu có 156 crômatit.**

**(5). Ở kì đầu có 156 tâm động.**

**(6). Ở kì sau có 156 nhiễm sắc thể đơn.**

**(7). Ở kì sau có 156 crômatit.**

**Số ý đúng là**

**A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.**

**Câu 21: Ở người (2n = 46). Có 10 tế bào sinh dưỡng nguyên phân liên tiếp một số lần như nhau tạo ra các tế bào con, trong nhân của các tế bào con này thấy có 13800 mạch pôlinuclêôtit mới. Số lần nguyên phân của mỗi tế bào này là :**

**A. 4 lần. B. 5 lần. C. 6 lần. D. 8 lần.**

**Câu 22**.Trong giảm phân I, NST kép tồn tại ở

1. cuối kì trung gian. B. kì đầu.

C. kì sau. D. tất cả các kì trên.

**Câu 23**. Trong giảm phân II, NST kép tồn tại ở

A. kì giữa. B. kì sau. C. kì cuối. D. tất cả các kì trên.

**Câu 24**. Kết quả quá trình giảm phân I là tạo ra 2 tế bào con, mỗi tế bào chứa

1. n NST đơn. B. n NST kép. C. 2n NST đơn. D. 2n NST kép.

**Câu 25**. Sự trao đổi chéo giữa các NST trong cặp tương đồng xảy ra vào kỳ

A. đầu I. B. giữa I. C. sau I. D. đầu II.

**Câu 26.** Kết quả của quá trình giảm phân là từ 1 tế bào tạo ra

A. 2 tế bào con, mỗi tế bào có 2n NST. B. 2 tế bào con, mỗi tế bào có n NST.

C. 4 tế bào con, mỗi tế bào có 2n NST. D. 4 tế bào con, mỗi tế bào có n NST.

**Câu 27**. Kết thúc giảm phân II, mỗi tế bào con có số NST so với tế bào mẹ ban đầu là

A. tăng gấp đôi. B. bằng .

C. giảm một nửa. D. ít hơn một vài cặp.

**Câu 28**. Một tế bào có bộ NST 2n=14 đang thực hiện quá trình giảm phân, ở kì cuối I số NST trong mỗi tế bào con là

A. 7 NST kép. B. 7 NST đơn. C. 14 NST kép. D. 14 NST đơn.

**Câu 29.** Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh là

A. 16. B. 32. C. 64. D. 128.

**Câu 30**. Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

1. kì đầu II của giảm phân. B. kì đầu của nguyên phân.

C. kì đầu I của giảm phân. D. kì cuối II của giảm phân.

**Câu 31**.Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

1. NST chưa tự nhân đôi.
2. NST tháo xoắn hoàn toàn, tồn tại dư­ới dạng sợi rất mảnh.
3. NST ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.
4. các NST tư­ơng đồng ch­ưa liên kết thành từng cặp.

**Câu 32.** Trong giảm phân sự phân li độc lập của các cặp NST kép tư­ơng đồng xảy ra ở

1. kì sau của lần phân bào II. B. kì sau của lần phân bào I.

C. kì cuối của lần phân bào I. D. kì cuối của lần phân bào II **.**

**Câu 33:** Tại kì giữa của giảm phân I, dây tơ phân bào từ mỗi cực tế bào

A. chỉ đính vào một phía của mỗi nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng.

B. đính vào hai phía của mỗi nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng.

C. quấn quanh một trong hai nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng.

D. quấn quanh cả hai nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng.

**Câu 34:** Trong giảm phân II, nhiễm sắc thể kép tồn tại ở giai đoạn nào sau đây?

A. Kì đầu và kì giữa. B. Kì đầu và kì sau.

C. Kì giữa và kì cuối. D. Kì giữa và kì sau.

**Câu 35**:Khi nói về giảm phân, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Mỗi tế bào có thể tiến hành giảm phân hai hoặc nhiều lần.

B. Giảm phân trải qua hai lần phân bào nhưng nhiễm sắc thể chỉ nhân đôi một lần.

C. Giảm phân trải qua một lần phân bào nhưng nhiễm sắc thể nhân đôi hai lần.

D. Phân bào giảm phân không có quá trình phân chia tế bào chất.

**Câu 36**:Quá trình giảm phân xảy ra ở loại tế bào nào sau đây?

A. Tế bào sinh dục chín. B. Tế bào sinh dưỡng.

C. Tế bào hợp tử. D. Tế bào giao tử.

**Câu 37:** Hiện tượng trao đổi chéo của nhiễm sắc thể trong giảm phân có ý nghĩa nào sau đây?

A. Làm tăng số lượng nhiễm sắc thể trong tế bào.

B. Tạo ra sự ổn định về thông tin di truyền.

C. Góp phần tạo ra sự đa dạng về kiểu gen của loài.

D. Duy trì tính đặc trưng về cấu trúc nhiễm sắc thể.

**Câu 38: Biết hàm lượng ADN nhân trong một tế bào sinh tinh của thể lưỡng bội là x. Trong trường hợp phân chia bình thường, hàm lượng ADN nhân của tế bào này đang ở kì sau của giảm phân I là**

**A. 1x. B. 2x. C. 0,5x. D. 4x.**

**Câu 39: Ở một loài động vật (2n=40). Có 5 tế bào sinh dục chín thực hiện quá trình giảm phân. Số nhiễm sắc thể có trong tất cả các tế bào con sau giảm phân là:**

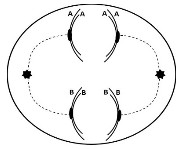
**A. 300. B. 200. C. 100. D. 400.**

**Câu 40**: [Tại vùng sinh sản của ống dẫn sinh dục của ruồi giấm có 6 tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân 3 lần liên tiếp. Các tế bào con sinh ra đều chuyển sang vùng chín trở thành các tế bào sinh giao tử. Số NST môi trường cung cấp cho quá trình tạo giao tử từ 6 tế bào sinh dục sơ khai nói trên](http://hoc247.net/cau-hoi-tai-vung-sinh-san-cua-ong-dan-sinh-duc-cua-ruoi-giam-co-6-te-bao-sinh-duc-so-khai-nguyen-phan-3-lan--23201.html)

A. 720 B. 256 C. 2032 D. 128

**Câu 41.** Ở gà có bộ NST 2n=78. Một tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

A. 7. B. 6. C. 5. D. 4.

**Câu 42**: Một sinh vật lưỡng bội có kiểu gen AABB. Hai gen này nằm trên các nhiễm sắc thể khác nhau, được minh họa trong một tế bào của sinh vật này như thể hiện ở hình dưới đây. Tế bào này đang trải qua giai đoạn nào của chu kỳ tế bào?

A. Giảm phân II.

B. Nguyên phân.

C. Giảm phân I.

D. Có thể là nguyên phân hoặc giảm phân.